

Bản án số: 43/ 2024/HNGĐ-ST

Ngày 12/8/2024

V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hương.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Ngân và bà Vũ Thị Hoà

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Văn Lĩnh - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 102/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2024/QĐST - H NGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Cồ Thị L, sinh năm 1977. Vắng mặt.

Địa chỉ: P3206 River 5B3 TĐC Đông Hội, xã Đông Hội, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

Bị đơn: Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1976. Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 15, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 5 năm 2024, bản tự khai chị Cồ Thị L trình bày nội dung vụ án như sau:

Chị Cồ Thị L và anh Đỗ Văn T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào ngày 03/01/2001 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Thái, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình kh ông hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không cải thiện được. Anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau. Đến nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Văn T để sớm ổn định cuộc sống.

Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống chị Cồ Thị L xác định chị và anh Đỗ Văn T có 02 con chung là cháu **Đỗ Khánh Ly, sinh ngày 09/9/2002** và cháu **Đỗ Đức Anh, sinh ngày 17/9/2006**, cháu Ly đã trưởng thành chị không yêu cầu giải quyết. Đến nay anh Thảo đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về, không quan tâm đến con nên chị Lành có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Anh và không yêu cầu anh Thảo phải cấp dưỡng nuôi con chung

Về quan hệ tài sản chung công nợ Chị Cồ Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết
Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh Đỗ Văn T đến Tòa án để viết bản tự khai, lấy ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng anh Thảo thường hay vắng nhà thỉnh thoảng mới về. Do đó, Tòa án tiến hành niêm yết thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành các thủ tục tố tụng đầy đủ đúng quy định pháp luật; Nguyên đơn thực hiện đúng đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: **Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.**

Về quan hệ hôn nhân: Chị Cồ Thị L được ly hôn anh Đỗ Văn T

Về con chung: Giao cho chị Cồ Thị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung là cháu **Đỗ Đức Anh, sinh ngày 17/9/2006**. Anh Đỗ Văn T không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh Đỗ Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Tuyên án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Đỗ Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, chị Cồ Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đỗ Văn T, chị Cồ Thị L theo khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cồ Thị L và anh Đỗ Văn T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào ngày 03/01/2001 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Thái, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không cải thiện được. Anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau. Đến nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với

anh Đỗ Văn T để sớm ổn định cuộc sống. Như vậy, có căn cứ xác định vợ chồng mâu thuẫn kéo dài, không hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu của chị Cồ Thị L.

[3] Về quan hệ con chung và cấp dưỡng nuôi con: Trong thời gian chung sống chị Cồ Thị L xác định chị và anh Đỗ Văn T có 02 con chung là cháu **Đỗ Khánh Ly, sinh ngày 09/9/2002** và cháu **Đỗ Đức Anh, sinh ngày 17/9/2006**, cháu Ly đã trưởng thành chị không yêu cầu giải quyết. Đến nay anh Thảo đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về, không quan tâm đến con nên chị Lành có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu **Đỗ Đức Anh** và không yêu cầu anh Thảo phải cấp dưỡng nuôi con chung

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập nhiều lần nhưng anh Thảo không đến viết bản tự khai và trình bày ý kiến, vì vậy Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết theo quy định của pháp luật. **Sau khi vợ chồng sống ly thân anh Thảo không quan tâm, chăm sóc và nuôi dưỡng con, xét yêu cầu về việc xin được nuôi con chung của chị Lành và không yêu cầu anh Thảo phải cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ cần chấp nhận.**

Hội đồng xét xử nhận định chị Cồ Thị L có thu nhập hàng tháng ổn định có khả năng điều kiện, đảm bảo cuộc sống của bản thân và nuôi con chung, mặt khác từ khi anh chị xảy ra mâu thuẫn, anh Thảo thỉnh thoảng mới về nhà, chị Lành là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con chung. Do vậy, có căn cứ chấp nhận giao con chung cho chị Cồ Thị L nuôi dưỡng, không buộc anh Thảo phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Chị Cồ Thị L không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Cồ Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Cồ Thị L được ly hôn anh Đỗ Văn T.

Về quan hệ con chung: Giao cháu **Đỗ Đức Anh, sinh ngày 17/9/2006** cho chị Cồ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu **Đỗ Đức Anh** trưởng thành đủ 18 tuổi, anh Đỗ Văn T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở quyền này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu

đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó

Về án phí: Chị Cồ Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị Cồ Thị L đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000597 ngày 15/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lào Cai.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết..

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, TP;
- Chi cục THADS TP;
- Dương sự;
- UBND xã Nghĩa Thái, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Phạm Thị Thanh Hương